

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 20/2025/DS-ST

Ngày 12-02-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Trí

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Vĩnh L, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị S, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Trần V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Trần Kiều D (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/3/2024 ông Lê Vĩnh L có bán cho ông Lê Văn P cùng vợ chồng ông Lê Trần V, bà Trần Kiều D 01 cái máy cắt hiệu Kubota DC 105X với số tiền 590.000.000 đồng. Ông P đặt cọc trước số tiền 50.000.000 đồng nên các bên thỏa thuận vào ngày 04/3/2024 ông P trả thêm số tiền 150.000.000 đồng thì anh L giao máy cho ông P, ông V, bà K.

Ngày 10/3/2024 ông P có trả thêm được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 290.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì số tiền này sẽ được thanh toán trong vòng 02 tháng với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Khi mua bán có làm hợp đồng mua bán, do ông P đứng tên trong hợp đồng (do ông V, bà K thống nhất giao một mình ông P đứng tên trong hợp đồng mua bán).

Tuy nhiên, khi đến hạn thì ông P, ông V, bà K không thanh toán số tiền còn lại cho ông L. Sau nhiều lần liên hệ đòi tiền thì phía ông P, ông V, bà K có trả được thêm 20.000.000 đồng, còn nợ lại 270.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Văn P; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D trả số tiền còn nợ là 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 05/3/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên ông Lê Trần V có cung cấp bản tự khai cho Tòa án với nội dung như sau:

Trước đây em tôi là Lê Văn P có mua của Lê Vĩnh L 01 cái máy liên hợp 105 với số tiền là 590.000.000 đồng, ngày giao máy em tôi có trả được số tiền 320.000.000 đồng. Khi giao dịch xong bên phía ông L đảm bảo máy bảo hành động cơ bơm số, chưa hết thời gian bảo hành máy bị hư, điện thoại cho ông L bảo hành máy nhưng bên phía ông L không đến bảo hành. Đến thời điểm trả số tiền

còn lại, do máy hư không hoạt động được nên chưa có tiền trả, phía ông P có hứa trả mỗi tháng 50.000.000 đồng cho ông L nhưng phía ông L không đồng ý. Trong khi đó ông L bán máy không có giao giấy hải quan cho ông V.

Nay ông Lê Trần V cam kết sẽ trả số tiền còn lại cho ông L bằng hình thức mỗi vụ lúa làm được bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Nếu ông L không đồng ý thì hóa giá máy, thời điểm ông V mua là 590.000.000 đồng cộng thêm tiền sửa chữa tổng cộng số tiền 750.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Kiều D đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua bán tài sản còn nợ. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng mua bán giữa anh Lê Vĩnh L và ông Lê Văn P; Biên bản hòa giải của ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Theo nội dung biên bản hòa giải thì bị đơn Lê Văn P thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng và cam kết trả mỗi tháng 50.000.000 đồng, đồng thời đóng lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D cùng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng mua bán được xác lập giữa ông L và ông P. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D không có tham gia trong hợp đồng này. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng mua bán được xác lập giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D có tham gia trong hợp đồng mua bán này nên không có căn cứ buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Trần V, Trần Kiều D trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2]. Trong quá trình tố tụng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác và triệu tập đến Tòa án nhưng vắng mặt, như vậy xem như bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn có mua máy và còn nợ tiền nguyên đơn là có thật. Việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này”. Theo quy định trên thấy rằng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận khi đến hạn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

Theo khoản 1 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ ”.

Các đương sự thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 04/3/2024 đến ngày 04/5/2024. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thống nhất yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 05/3/2024 đến thời điểm xét xử là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Lãi suất tính từ ngày 05/3/2024 đến ngày xét xử 12/02/2024 là 11 tháng 07 ngày với số tiền lãi là 25.275.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm. Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, 430, 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Vĩnh L đối với bị đơn Lê Văn P.

Buộc bị đơn Lê Văn P trả cho nguyên đơn Lê Vĩnh L số tiền còn nợ là 295.275.000^d (hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (trong đó tiền gốc là 270.000.000 đồng và lãi là 25.275.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Lê Văn P phải nộp là 14.763.750 đồng. Nguyên đơn Lê Vĩnh L được nhận lại 6.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0007253 phiếu lập ngày 11/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thành Đồng